

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan
hành chính nhà nước lĩnh vực Hợp tác quốc tế thuộc
phạm vi quản lý của Sở Ngoại vụ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong Hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tại Văn bản số 1042/SNgV-VPTTr ngày 08/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 (hai) thủ tục hành chính (TTHC) nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực Hợp tác quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Sở Ngoại vụ tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Ngoại vụ;
- PCVP Trần Công Thành;
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu: VT, NC4.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh

**DANH MỤC VÀ NỘI DUNG QUY TRÌNH TTHC NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ
QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NGOẠI VỤ**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC TTHC

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Sở, UBND cấp huyện	Hợp tác quốc tế	Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Ngoại vụ, các cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế đó và các cơ quan khác có liên quan
2	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp xã biên giới	Hợp tác quốc tế	Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Ngoại vụ, UBND cấp huyện, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp, UBND cấp xã biên giới và các cơ quan khác có liên quan

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG TTHC

1. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Sở, UBND cấp huyện

1.1. Trình tự thực hiện: (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính)

- Bước 1. Trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế, cơ quan cấp Sở, UBND cấp huyện lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ, các cơ quan cấp Sở có liên quan.

- Bước 2. Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Bước 3. Cơ quan cấp Sở, UBND cấp huyện tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế cho Sở Ngoại vụ để trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Bước 4. Chủ tịch UBND tỉnh xem quyết định bằng văn bản về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Bước 5. Người đứng đầu cơ quan cấp Sở, Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc người được ủy quyền ký (có văn bản ủy quyền) về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế.

- Bước 6. Cơ quan cấp Sở, UBND cấp huyện báo cáo bằng văn bản cho Sở Ngoại vụ về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế có hiệu lực.

1.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ lấy ý kiến về đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế:

+ Văn bản đề xuất về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế, trong đó nêu rõ bối cảnh, mục đích, lý do, sự phù hợp, tác động của việc sửa đổi, bổ sung (nêu rõ theo từng nội dung cụ thể), gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế; việc tuân thủ các quy định tại Điều 3 của Luật Thỏa thuận Quốc tế và Điều 3 của Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ (nếu có); kiến nghị họ tên, chức vụ của người đại diện ký; kiến nghị về việc đăng tải, bảo mật thỏa thuận quốc tế (nếu có).

+ Văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

- Hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế:

+ Văn bản đề xuất về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế, trong đó nêu rõ bối cảnh, mục đích, lý do, sự phù hợp, tác động của việc sửa đổi, bổ sung (nêu rõ theo từng nội dung cụ thể), gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế; nội dung sửa đổi, bổ sung thỏa thuận quốc tế (nếu có); đánh giá sự phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam; việc tuân thủ các quy định tại Điều 3 của Luật Thỏa thuận quốc tế và Điều 3 của Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ (nếu có); kiến nghị họ tên, chức vụ của người đại diện ký; kiến nghị về việc đăng tải, bảo mật thỏa thuận quốc tế và vấn đề có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có).

+ Ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ, các cơ quan cấp Sở có liên quan đến thỏa thuận quốc tế.

+ Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan,

+ Văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Chủ tịch UBND tỉnh xem quyết định bằng văn bản về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: cơ quan cấp Sở, UBND cấp huyện.

1.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Ngoại vụ, các cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế đó và các cơ quan khác có liên quan.

1.7. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thỏa thuận Quốc tế ngày 13/11/2020.

- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh Tổng cục, Cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức.

2. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp xã biên giới

2.1. Trình tự thực hiện: (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính)

- Bước 1. Trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế, UBND cấp xã biên giới lấy ý kiến bằng văn bản của UBND cấp huyện.

- Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, UBND cấp huyện cho ý kiến bằng văn bản và gửi hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế cho Sở Ngoại vụ.

- Bước 3. Sở Ngoại vụ lấy ý kiến bằng văn bản của Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, cơ quan cấp Sở có liên quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Bước 4. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, cơ quan cấp Sở có liên quan trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Ngoại vụ về đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ của UBND cấp xã biên giới.

- Bước 5. Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định bằng văn bản về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp xã biên giới trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của Sở Ngoại vụ.

- Bước 6. Chủ tịch UBND cấp xã biên giới hoặc người được ủy quyền (có văn bản ủy quyền) tiến hành ký sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế.

- Bước 7. UBND cấp xã biên giới thông báo bằng văn bản cho UBND cấp huyện về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ có hiệu lực. UBND cấp huyện thông báo bằng văn bản cho Sở Ngoại vụ trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của UBND cấp xã biên giới.

2.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ lấy ý kiến về đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp xã biên giới:

+ Văn bản đề xuất về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế, trong đó nêu rõ bối cảnh, mục đích, lý do, sự phù hợp, tác động của việc sửa đổi, bổ sung (nêu rõ theo từng nội dung cụ thể), gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế; nội dung

sửa đổi, bổ sung thỏa thuận quốc tế (nếu có); đánh giá sự phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam; việc tuân thủ các quy định tại Điều 3 của Luật Thỏa thuận quốc tế và Điều 3 của Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ (nếu có); kiến nghị họ tên, chức vụ của người đại diện ký; kiến nghị về việc đăng tải, bảo mật thỏa thuận quốc tế và vấn đề có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có).

+ Dự thảo Văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

- Hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp xã biên giới:

+ Văn bản đề xuất về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế, trong đó nêu rõ bối cảnh, mục đích, lý do, sự phù hợp, tác động của việc sửa đổi, bổ sung (nêu rõ theo từng nội dung cụ thể), gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế; đánh giá sự phù hợp của việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam và việc tuân thủ các quy định tại Điều 3 của Luật Thỏa thuận quốc tế và Điều 3 của Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ (nếu có); kiến nghị họ tên, chức vụ của người đại diện ký; kiến nghị về việc đăng tải, bảo mật thỏa thuận quốc tế và vấn đề có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có).

+ Ý kiến bằng văn bản của Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, cơ quan cấp Sở có liên quan.

+ Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

+ Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định bằng văn bản về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp xã biên giới trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của Sở Ngoại vụ.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: UBND cấp xã biên giới.

2.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Ngoại vụ, UBND cấp huyện, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp và các cơ quan khác có liên quan.

2.7. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thỏa thuận quốc tế ngày 13/11/2020.
- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức./.